

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 29 /GTr-CAG

An Giang, ngày 08 tháng 08 năm 2022

V/v: Giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế BCTC giữa
niên độ đã kiểm toán năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tổ chức đại chúng: **Công ty Cổ phần Cảng An Giang**
2. Mã chứng khoán: **CAG**
3. Trụ sở chính: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: (0296) 3831 447 – (0296) 3831 535; Fax: (0296) 3831 129.
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600125108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 29/03/2011, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016.
5. Nội dung: Giải trình chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 so với năm 2021.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Cảng An Giang tăng 4,985 tỷ đồng, tỷ lệ tăng so 6 tháng đầu năm 2021 (biến động hơn 10%). Công ty giải trình như sau:

ĐVT: đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.698.352.144	19.741.618.902	22.956.733.242	116,29
2	Giá vốn hàng bán	30.734.426.201	15.710.386.296	15.024.039.905	95,63
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.963.925.943	4.031.232.606	7.932.693.337	196,78
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.427.855.705	1.414.869.947	12.985.758	0,92
5	Chi phí tài chính	0	480.129	(480.129)	(100,00)
6	Chi phí bán hàng	704.388.820	524.987.612	179.401.208	34,17



Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	
				(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.043.388.717	4.323.824.504	719.564.213	16,64
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.644.004.111	596.810.308	7.047.193.803	1.180,81
9	Thu nhập khác	327	2.980.406	(2.980.079)	(99,99)
10	Chi phí khác	653.478.108	0	653.478.108	(653.478.108)
11	Lợi nhuận khác	(653.477.781)	2.980.406	(656.458.187)	(22.025,80)
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.990.526.330	599.790.714	6.390.735.616	1.065,49
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.549.200.888	143.058.143	1.406.142.745	982,92
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.441.325.442	456.732.571	4.984.592.871	1.091,36



- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 22.957 triệu đồng, giá vốn hàng bán tăng 15.024 triệu đồng làm cho lợi nhuận gộp tăng 7.933 triệu đồng.

- Doanh thu tài chính tăng 12 triệu đồng, chi phí tài chính giảm 0,50 triệu đồng, làm cho lợi nhuận tăng 11,5 triệu đồng .

- Chi phí bán hàng tăng 179 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 720 triệu đồng làm lợi nhuận giảm 899 triệu đồng .

- Thu nhập khác giảm 3 triệu đồng , chi phí khác tăng 653 triệu đồng làm lợi nhuận khác giảm 656 triệu đồng .

Chính 4 yếu tố trên và chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 1.406 triệu đồng làm tổng lợi nhuận sau thuế tăng 4,985 tỷ đồng .

Trên đây là giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 so với 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, xin báo cáo đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp